

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 82/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2019

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ân.

Ông Nguyễn Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hồ Văn P, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre;

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, anh P có mặt, chị C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/3/2019, bản tự khai ngày 10/4/2019, nguyên đơn là anh Hồ Văn P trình bày:

Anh và bị đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc C kết hôn vào năm 2014. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại ấp A, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống, anh chị không có mâu thuẫn gì nhưng chị C bỏ nhà đi và anh chị đã ly thân cách nay 17 tháng. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C.

Về con chung, anh và chị C có hai người con chung là cháu Hồ Hưng T1, sinh ngày 05/02/2015 và cháu Hồ Quốc T2, sinh ngày 31/10/2016. Hiện các con đang sống với bà nội. Anh yêu cầu được nuôi các con chung, không yêu cầu chị C

cấp dưỡng cho con. Anh và chị C không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, vào ngày 01/7/2019, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử nhưng chị C đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản đối với yêu cầu của anh P.

Tại phiên tòa, anh P trình bày anh và chị C tìm hiểu nhau được 07 tháng và quyết định kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được hơn 03 năm. Đến tháng 8/2017, giữa vợ chồng anh không xảy ra mâu thuẫn nhưng chị C bỏ đi, không chung sống với anh. Chị C không nói cho anh biết lý do chị không muốn chung sống với anh, có thể do anh không lo được cho chị C có cuộc sống đầy đủ. Nay thời gian không chung sống với nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án: Thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Anh P thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị C chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự là không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P. Anh P được ly hôn đối với chị C.

- Về con chung: Giao cháu Hồ Hưng T1, sinh ngày 05/02/2015 và cháu Hồ Quốc T2, sinh ngày 31/10/2016 cho anh Hồ Văn P tiếp tục nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P không có yêu cầu.

Chị C được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Hồ Văn P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Nguyễn Thị Ngọc C. Chị C là bị đơn trong vụ án cư trú tại ấp A, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Văn P và chị Nguyễn Thị Ngọc C tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 9 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo anh P trình bày, trong quá trình chung sống, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn nhưng không giải quyết được. Từ tháng 8/2019 cho đến nay vợ chồng anh không chung sống với nhau. Hiện, anh không còn tình cảm với chị C nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C.

Với yêu cầu khởi kiện của anh P, Tòa án đã tiến hành thông báo cho chị C tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mục đích hòa giải cho anh P và chị C đoàn tụ nhưng chị C vắng mặt, không có ý kiến phản đối, để cho anh P tự giải quyết. Bên cạnh đó tại biên bản xác minh ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thể hiện anh P, chị C hiện không chung sống với nhau.

Xét thấy, giữa anh P và chị C không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Đồng thời anh chị đã không chung sống với nhau trong thời gian dài. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P để giải quyết cho anh P được ly hôn với chị C.

[3] Về con chung: Theo hồ sơ vụ án và lời khai của anh P, xét thấy, anh P và chị C có 02 người con chung là cháu Hồ Hưng T1, sinh ngày 05/02/2015 và cháu Hồ Quốc T2, sinh ngày 31/10/2016. Hiện, các cháu đang sống với gia đình anh P, được ông bà nội chăm sóc nuôi dạy tốt. Anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi con, chị C không có ý kiến phản đối với yêu cầu này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P, giao cháu T1 và cháu T2 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về việc cấp dưỡng cho con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì anh Phước có quyền yêu cầu chị C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung. Mặc dù, Hội đồng xét xử có giải thích việc cấp dưỡng cho con là quyền và lợi ích của các con nhưng anh P không

yêu cầu chị C cấp dưỡng cho con. Đây là sự tự nguyện của anh P nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh P trình bày anh và chị C không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với chị C thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hồ Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Văn P. Anh Hồ Văn P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc C.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Hưng T1, sinh ngày 05/02/2015 và cháu Hồ Quốc T2, sinh ngày 31/10/2016 cho anh Hồ Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ghi nhận anh P không yêu cầu chị C cấp dưỡng cho con.

Chị C có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh P.

Chị C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp chị C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị C.

Anh P có quyền yêu cầu chị C cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hồ Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002137 ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Mộng Tuyền